

Tên \_\_\_\_\_

<b>at</b>	<b>ăt</b>	<b>ât</b>
bãi cát to tát mặt cửa	bắt tay cắt cỏ cháu chắt giặt giũ	cất nhà thật thà thân mật trật tự

**I. Em dịch sang tiếng Việt các câu sau đây. Translate the following sentences into Vietnamese. Use the words from the word box.**

1. The kid likes to play in the sand bank.

\_\_\_\_\_

2. Older brother helps father cut the grass every week.

\_\_\_\_\_

3. He shook hand with me.

\_\_\_\_\_

4. Teaching Vietnamese is a great job.

\_\_\_\_\_

5. The meat is dry like sawdust.

\_\_\_\_\_

6. My grandparents are very happy to see the grandchildren gather at their house on New Year's Day.

\_\_\_\_\_

7. They don't know how to tell lies, they are very truthful.

\_\_\_\_\_

8. His father wants to buy a house near school.

---

9. We kept quiet and in order.

---

10. Mother is very busy with houseworks: cleaning, doing laundry, and cooking.

---

**II. Em sửa lại những chữ in đậm và viết lại cả câu trên hàng chấm. Write the correct word on the line, and rewrite the whole sentence on the dotted line.**

1. Trời hôm nay **mác** lắm. \_\_\_\_\_

.....

2. Con chim bay **sắc** đầu tôi. \_\_\_\_\_

.....

3. Nó **mất** tiền hết rồi. \_\_\_\_\_

.....

4. Ba **bắc** được con cá **rắc** to. \_\_\_\_\_

.....

5. **Tất** cả đều là sự **thật**. \_\_\_\_\_

.....